



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

BKS Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Công ty) xin báo cáo Quý cổ đông tình hình hoạt động của BKS và kết quả kiểm soát tại Công ty năm 2020 như sau:

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở kiểm soát trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) tại Công ty, soát xét báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Tổng hợp các báo cáo liên quan, kiểm tra chọn mẫu chứng từ kế toán, kiểm tra đối chiếu các báo cáo nhập xuất tồn vật tư, kiểm tra chọn mẫu hồ sơ quyết toán các công trình sửa chữa lớn hoàn thành trong năm 2020.

1. Nội dung kiểm soát

Giám sát việc quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị (HĐQT). Tổng Giám đốc, việc thực hiện nhiệm vụ do đại hội đồng cổ đông giao, việc thực hiện Nghị quyết HĐQT đối với Ban điều hành.

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản, hiệu quả đầu tư vốn; Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý tài chính - kế toán.

Thông qua hoạt động kiểm soát phát hiện ra các tồn tại, sai sót để kiến nghị với ban điều hành chấn chỉnh công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), công tác quản lý tài chính kế toán, của Công ty và đề xuất những kiến nghị để khắc phục những tồn tại được phát hiện thông qua kiểm soát; Đảm bảo các nguồn lực của Công ty được sử dụng tiết kiệm mang lại hiệu quả cao nhất.

Thực hiện các khuyến nghị của BKS các lần trước.

2. Phạm vi, giới hạn và thời gian kiểm soát

2.1. Phạm vi kiểm soát

Thời kỳ được kiểm soát năm 2020

2.2. Giới hạn kiểm soát: BKS khi thực hiện kiểm soát tại Công ty giới hạn kiểm soát như sau:

BKS đã chứng kiến kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm kê tiền mặt, kiểm kê vật tư hàng hóa tồn kho (chọn mẫu), kiểm soát các bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2020; Không đối chiếu, xác minh hoá đơn mua vật tư, dịch vụ, nợ phải thu, phải trả với các đơn vị, cá nhân liên quan.

2.3. Thời gian kiểm soát:

Trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2020 ngoài công việc kiểm soát chuyên trách tại Công ty thực hiện theo quy chế, BKS đã thực hiện 03 cuộc kiểm soát



trực tiếp tại Công ty; Kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 trình ĐH đồng cổ đông năm 2020, kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý I/2021, kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐ cổ đông giai đoạn 9 tháng đầu năm 2020.

Kiểm soát tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2020 do ĐHĐ cổ đông giao: Từ ngày 25 đến 28/01/2021 tại trụ sở Công ty.

3. Căn cứ kiểm soát

Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán, điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Báo cáo kiểm soát được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm soát, biên bản xác nhận số liệu và tình hình thực hiện công việc kiểm soát của các thành viên BKS. Báo cáo tài chính giữa niên độ (Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV, Báo cáo tài chính Bán niên) và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

4. Về tính đúng đắn trung thực của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, ngoại trừ phạm vi và giới hạn của BKS xét trên phương diện trọng yếu đã phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

I - GIÁM SÁT VIỆC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020 DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO:

1.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ:

Năm 2020, HĐQT Công ty đã ban hành 23 Nghị quyết và các Quyết định điều hành bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). Các nghị quyết đều được ủy viên HĐQT tham gia biểu quyết đầy đủ thống nhất và Nghị quyết ban hành kịp thời và phù hợp với nhiệm vụ do đại hội đồng cổ đông giao; Đồng thời các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao với 100% ý kiến biểu quyết tán thành.

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	Nghị quyết Số 175/ NQ-PPC	20/01/2020	Bổ nhiệm cán bộ quản lý	100%
2	Nghị quyết Số 176/ NQ-PPC	13/2/2020	Chốt thời gian, địa điểm đại hội đồng cổ đông năm 2020.	100%
3	Nghị quyết Số 177/ NQ-PPC	13/2/2020	Họp HĐQT quý 4 năm 2019.	100%
4	Nghị quyết Số 178/ NQ-PPC	17/2/2020	Chốt thời gian, địa điểm đại hội đồng cổ đông năm 2020. Thay thế Nghị quyết số 176.	100%
5	Nghị quyết Số 179/ NQ-PPC	18/3/2020	Thông qua nội dung đại hội đồng cổ đông năm 2020.	100%
6	Nghị quyết Số 180/ NQ-PPC	25/3/2020	Về việc tiếp nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại	100%
7	Nghị quyết Số 181/ NQ-PPC	01/04/2020	Trả cổ tức bằng tiền mặt phần còn lại năm 2019.	100%
8	Nghị quyết Số 182/ NQ-PPC	13/04/2020	Cử Người đại diện phần vốn tại của PPC tại nhiệt điện Hải Phòng.	100%
9	Nghị quyết Số 183/ NQ-PPC	28/05/2020	Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại (Ông Tuấn – Phòng KT)	100%
10	Nghị quyết Số 184/ NQ-PPC	02/06/2020	Mô hình tổ chức, định biên lao động năm 2020	100%
11	Nghị quyết Số 185/ NQ-PPC	05/06/2020	Chủ trương, phương án nhân sự cán bộ quản lý sau khi sáp	100%

			nhập đơn vị và điều động cán bộ.	
12	Nghị quyết Số 186/ NQ-PPC	11/06/2020	Sáp nhập phân xưởng Vận hành 1 và phân xưởng Điện - Kiểm nhiệt thành PX Vận hành 1 và bổ nhiệm cán bộ .	100%
13	Nghị quyết Số 187/ NQ-PPC	03/7/2020	Ký hợp đồng kiểm toán năm 2020	100%
14	Nghị quyết Số 188/ NQ-PPC	10/08/2020	Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại	100%
15	Nghị quyết Số 189/ NQ-PPC		Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại	100%
16	Nghị quyết Số 190/ NQ-PPC	20/10/2020	Gia hạn chức vụ Chánh Văn phòng Công ty đối với Ông Nguyễn Đăng Khuông	100%
17	Nghị quyết Số 191/ NQ-PPC	21/10/2020	Mô hình tổ chức, định biên lao động năm 2020.	100%
18	Nghị quyết Số 192/ NQ-PPC	23/10/2020	Thông qua hiệu chỉnh Tổng mức đầu tư – Dự án Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 2	100%
19	Nghị quyết Số 193/ NQ-PPC	18/11/2020	Nghị quyết hợp HĐQT quý 4 năm 2020	100%
20	Nghị quyết Số 194/ NQ-PPC	30/11/2020	Về việc hủy bỏ đầu tư dự án “Cải tạo, nâng cấp thiết bị hệ thống khử bụi tĩnh điện Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”, hủy thầu gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống khử bụi tĩnh điện Dây chuyền 1”	100%
21	Nghị quyết Số 195/ NQ-PPC	30/11/2020	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.	100%
22	Nghị quyết Số 196/ NQ-PPC	02/12/2020	Tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt.	100%
23	Nghị quyết Số 197/ NQ-PPC	02/12/2020	Thông qua chủ trương kiện toàn chức danh Tổng Giám đốc Công ty.	100%

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã ra 350 Quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao 100% ý kiến biểu quyết tán thành.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD do ĐH đồng cổ đông giao:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	tr.kwh	6.200,00	5.776,83	93,17
2	Sản lượng bán cho EVN	tr.kwh	5.598,34	5.265,47	94,05
3	điện tự dùng + tổn thất MBA cho SXĐ	tr.kwh	601,66	511,36	84,99
4	Suất tiêu hao than tiêu chuẩn	g/kwh	-		
	DC1	g/kwh	432,35	438,34	
	DC2	g/kwh	337,00	336,92	
5	Suất dầu kèm	g/kwh	1,50		
	DC1	g/kwh	1,50	1,52	
	DC2	g/kwh	1,50	0,56	
6	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.277,12	8.219,50	99,30
	Trong đó:	Tỷ đồng	8.040,29	7.907,78	98,35
	- Doanh thu SXKD điện	Tỷ đồng	8.040,29	7.907,78	98,35
	- Doanh thu hoạt động tài chính:	Tỷ đồng	215,69	286,82	132,98
	<i>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>99,13</i>	<i>84,31</i>	<i>85,05</i>
	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>		-	-	
	<i>Cổ tức nhận được</i>		<i>116,56</i>	<i>205,20</i>	<i>176,04</i>
	- Doanh thu hoạt động khác	Tỷ đồng	21,14	24,91	117,84
7	Tổng chi phí	Tỷ đồng	7.511,65	7.013,09	93,36
	- Chi phí SXKD điện	Tỷ đồng	7.502,63	6.996,21	93,25
	- Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3,00	6,63	221,00
	<i>Chi phí lãi vay, dự phòng, khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,00</i>	<i>2,80</i>	<i>93,33</i>
	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>Tỷ đồng</i>			
	- Chi phí hoạt động khác	Tỷ đồng	6,02	6,02	99,98
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	765,47	1.210,65	158,16
	- Lợi nhuận từ SX điện	Tỷ đồng	537,66	911,57	169,54
	- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	212,69	280,19	131,73
	<i>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>		<i>96,13</i>	<i>81,51</i>	<i>84,79</i>
	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>		-	-	
	<i>Cổ tức nhận được</i>		<i>116,56</i>	<i>205,20</i>	
	- Lợi nhuận hoạt động khác	Tỷ đồng	15,12	18,89	124,93

II. SỐ LIỆU TÀI CHÍNH

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 (Các chỉ tiêu có số liệu phát sinh)

(Số liệu tóm tắt: ĐVT 10⁶đ)

Chỉ tiêu	MS	Số cuối năm	Số đầu năm	Sosánh (%)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	4.259.412	4.208.160	101,22
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	273.400	240.628	113,62
1. Tiền	111	23.400	10.628	220,18
2. Các khoản tương đương tiền	112	250.000	230.000	108,70
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.515.000	1.060.000	142,92
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.515.000	1.060.000	142,92
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.746.070	2.250.720	77,58
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.516.216	2.044.825	74,15
2. Trả trước cho người bán	132	8.844	290	3.053,44
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	223.167	223.167	100,00
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.015	638	159,16
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-3.171	-18.200	17,43
IV. Hàng tồn kho	140	696.960	656.780	106,12
1. Hàng tồn kho	141	792.156	752.373	105,29
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-95.196	-95.592	99,59
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	27.982	33	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	642	33	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	27.340	-	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	2.974.291	3.047.475	97,60
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	140.000	175.000	80,00
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	140.000	175.000	80,00
II. Tài sản cố định	220	289.059	273.957	105,51
1. Tài sản cố định hữu hình	221	288.477	273.838	105,35
– Nguyên giá	222	13.482.558	13.430.314	100,39
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-13.194.081	-13.156.476	100,29
3. Tài sản cố định vô hình	227	582	120	485,24
– Nguyên giá	228	59.526	58.889	101,08
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-58.944	-58.769	100,30
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	26.167	74.791	34,99
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	26.167	74.791	34,99
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.477.245	2.481.054	99,85
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	1.451.056	1.451.056	100,00
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1.084.843	1.084.843	100,00
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-58.654	-54.844	106,95
VI. Tài sản dài hạn khác	260	41.820	42.672	98,00
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17.259	8.965	192,52
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	242	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	24.319	33.708	72,15
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	7.233.703	7.255.635	99,70

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh (%)
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	749.780	1.290.794	58,09
I. Nợ ngắn hạn	310	749.780	1.290.794	58,09
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	514.925	733.862	70,17
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	255	262	97,24
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	88.236	78.590	112,27
4. Phải trả người lao động	314	77.953	61.591	126,57
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.689	50.389	11,29
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	58.108	234.285	24,80
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	126.554	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.614	5.261	87,71
B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	6.483.924	5.964.841	108,70
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.483.924	5.964.841	108,70
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.262.350	3.262.350	100,00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b	3.262.350	3.262.350	100,00
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	11.693	11.693	100,00
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	241.389	201.540	119,77
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-87.388	-87.388	100,00
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	910.550	795.808	114,42
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.145.331	1.780.838	120,47
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.278.509	1.025.890	124,62
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	866.822	754.948	114,82
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	440	7.233.703	7.255.635	99,70

2.2. Thuế và các khoản nộp NSNN đến 31/12/2020

DVT: 10⁹ đồng

Diễn giải	Số dư đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
1. Thuế GTGT hàng bán	4,13	129,40	133,53	
5. Thuế TNDN	62,93	199,01	182,26	79,68
6. Thuế thu nhập CN	1,39	6,69	7,67	0,42
7. Thuế tài nguyên	10,14	90,67	93,61	7,19
8. Thuế nhà đất		0,42	0,42	
9. Tiền thuê đất		16,82	16,82	
10. Các loại thuế khác		0,0	0,03	
TỔNG CỘNG	78,59	443,01	434,31	87,29

2.3. Lao động tiền lương, thu nhập của người lao động

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2020	TH 2020	S.sánh (%)
	- Lao động có mặt đến 31/12/2020	người	842	854	101,43
	- Lao động bình quân	người	842	953	113,18
	Trong đó: - LĐ theo ĐM	người	842	842	100,00
	- Tổng quỹ lương chung	triệu đồng	214.115,35	228.373,66	106,66
	- Tiền lương b/q	Tr.đ/ng/th	17,40	17,52	100,67
	- Thu nhập b/q	Tr.đ/ng/th	19,50	19,57	100,36

III. THỰC HIỆN CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG.

3.1. Quản lý tài chính, kế toán:

Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại là doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước trên 51% do Tổng công ty phát điện 2 (EVNGENCO2) đại diện chủ sở hữu; Hoạt động SXKD của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, luật thuế, luật khác có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực thi hành.

Việc chấp hành chế độ quản lý tài chính tại Công ty được đánh giá trên các mặt chủ yếu sau đây:

3.2. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của các cổ đông và một số quy định pháp luật của Nhà nước tại Công ty.

3.2.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

a. Quản lý tài sản ngắn hạn.

Tiền và các khoản tương đương tiền 240,4 tỷ đồng : Được mở sổ, theo dõi hạch toán theo quy định. Qua theo dõi kiểm soát cho thấy: Chứng từ thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đầy đủ, theo đúng quy định. Cuối hàng tháng, Công ty đã tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi tại ngân hàng.

Đầu tư tài chính ngắn hạn 1.515 tỷ đồng là khoản tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong năm 2021; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng so với đầu năm do Lợi nhuận của Công ty tăng trưởng trong năm tạo dòng tiền ổn định do đó Công ty tiếp tục gia tăng lượng tiền gửi tại các Ngân hàng (bằng 142,92%).

✓ Các khoản phải thu ngắn hạn:

- Các khoản phải thu khách hàng đến thời điểm 31/12/2020 là 1.746,07 tỷ đồng gồm một số khoản phải thu có giá trị lớn như: Tiền bán điện cho Công ty mua bán điện (EPTC) thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam 1.456,31 tỷ đồng và khoản phải thu về cho EVNGENCO2 188,16 tỷ đồng và EVN vay 35 tỷ đồng sẽ đến hạn trong năm 2021. Tổng giá trị đến hạn năm 2021 là 1.207,55 tỷ đồng.

- Công ty đã mở sổ theo dõi và hạch toán và đối chiếu công nợ phải thu ngắn hạn chi tiết cho từng đối tượng:

+ Công nợ khó đòi: 3,17 tỷ đồng giảm so với đầu năm 2020 do Công ty đã thực thu hồi được số khoản công nợ (phần gốc) của khoản ủy thác đầu tư vào Công ty quản lý quỹ Bảo Việt (BVFM). Cụ thể nội dung khoản công nợ như sau:

+ Số dư khoản Ủy thác quản lý vốn tại Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) tại ngày 31/12/2019 là: 14,35 tỷ. Do hợp đồng UTQLV đã hết hạn từ 6/12/2015 nhưng BVF không thực hiện hoàn trả tiền cho PPC. PPC đã nhiều lần làm việc đôn đốc BVF chuyển trả nợ gốc nhưng BVF chưa chuyển trả. Tháng 4/2016, PPC chuyển khoản đầu tư này sang khoản phải thu và thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định.

+ Tháng 7/2016 PPC cùng đơn vị Tư vấn Pháp lý khởi kiện BVFMC ra tòa. Đến tháng 1/2017, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã thụ lý hồ sơ khởi kiện. PPC trên đã sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi vốn kể cả gửi văn bản đến Tập đoàn Bảo Việt và Chủ tịch Tập đoàn Bảo Việt nhưng đều không có hồi đáp. PPC cùng đại diện Pháp lý của mình nhiều lần yêu cầu Tòa án đưa vụ việc ra xét xử nhưng do tình tiết tranh chấp của vụ án phức tạp nên công việc xét xử của Tòa án đã không thực hiện theo thời gian quy định của pháp luật về thời hạn xét xử.

+ Ngày 12/11/2019 và ngày 14/11/2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án. Tòa án dựa vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra lại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và các ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết như sau: Không chấp nhận Đơn khởi kiện của PPC đối với BVF.

+ Sau khi nhận được Quyết định bản án của Tòa án, PPC cùng với đại diện Pháp lý của mình nhận định bản án sơ thẩm còn nhiều vấn đề trong việc đánh giá, sử dụng chứng cứ, xác định sự thật và áp dụng pháp luật. Đến ngày 26/11/2019, PPC đã gửi “Đơn kháng cáo” toàn bộ “Bản án sơ thẩm”, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án.

Ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm theo Quyết định số 494/2020/QĐPT-KDTM ngày 26/8/2020; Hội đồng xét xử của phiên phúc thẩm tuyên như sau:

- (1) Buộc công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt hoàn trả ngay cho Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại số tiền gốc ủy thác còn nợ là: 14,35 tỷ đồng

- (2) Kể từ ngày tiếp theo xét xử sơ thẩm, BVF còn phải tiếp tục chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 7,65%/năm theo thỏa thuận tại hợp đồng UTQL danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ngày 18/9/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/9/2007. Số tiền chậm trả được tính là: 1,07 tỷ đồng.

- (3) Hoàn trả cho công ty CP Nhiệt điện Phả Lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 3418 ngày 5 tháng 12 năm 2019 và 0,61 tỷ đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 01737 ngày 18 tháng 1 năm 2017 của chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm”.

Đến ngày 12/11/2020. Công ty TNHH quản lý Quỹ Bảo Việt đã thanh toán toàn bộ tiền gốc ủy thác quản lý đầu tư còn nợ PPC như theo quyết định của bản án số tiền: 14,35 tỷ đồng.

✓ *Quản lý hàng tồn kho*

- Hàng tồn kho đến thời điểm 31/12/2020 là 752,37 tỷ đồng chủ yếu trong đó các chủng loại nhiên liệu và phụ tùng thiết bị chiếm tỷ trọng lớn nhất như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
+ Nhiên liệu than	534,08 tỷ đồng	527,38 tỷ đồng	100,89%
+ Nhiên liệu dầu FO	42,11 tỷ đồng	54,54 tỷ đồng	77,20%
+ Nguyên liệu, vật liệu...	173,23 tỷ đồng	129,43 tỷ đồng	133,84%
+ <i>DP giảm giá hàng tồn kho</i>	95,20 tỷ đồng	95,59 tỷ đồng	99,58%
+ Thiết bị phụ tùng DP dài hạn	197,42 tỷ đồng	204,63 tỷ đồng	96,48%
<i>DP giảm giá TB, PT dài hạn</i>	173,11 tỷ đồng	170,92 tỷ đồng	101,28%

Hàng tồn kho tổng giá trị tăng cao so với đầu năm chủ yếu do tăng lượng phụ tùng thiết bị mua sắm để phục vụ sửa chữa lớn và SCTX nhưng chưa được sử dụng (hoặc vật tư nhập về không kịp với tiến độ sửa chữa của các công trình) nên nhập lại kho dự phòng; Nguyên nhân do một số gói thầu SCL không thực hiện sửa chữa được do không chọn được nhà thầu cùng với một số gói thầu cung cấp vật tư bị chậm tiến độ vật tư kịp thời được đưa vào thay thế cùng với thời gian dừng để sửa chữa theo kế hoạch do đó giá trị tồn kho cao.

Tổng giá trị nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế tồn kho đến thời điểm 31/12/2020 là 370,65 tỷ đồng (bao gồm nguyên vật liệu 173,23 tỷ đồng và thiết bị phụ tùng dài hạn 197,42 tỷ đồng được công ty phân loại chi tiết và đưa vào sử dụng trong các công trình SCL và SCTX), nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng tồn kho công ty căn cứ theo nhu cầu sử dụng đã được trích lập dự phòng theo quy định của nhà nước với tổng giá trị trích lập là 268,30 tỷ đồng. Nguyên vật liệu phụ tùng thiết bị tồn kho luôn ở mức cao và gia tăng hàng năm nếu Công ty không có biện pháp hạn chế và phương án giảm hàng tồn kho sẽ ảnh hưởng rất lớn đến dòng tiền và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

✓ *Các khoản phải thu dài hạn:*

Tổng các khoản phải thu dài hạn là 140 tỷ đồng: Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) vay vốn dài hạn bổ sung vốn cho công trình xây dựng từ năm 2009 để bổ sung vốn lưu động và đầu tư thủy điện Lai Châu, đã được gia hạn lần lượt qua các năm với lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân của 4 ngân hàng thương mại Agribank, BIDV, VCB và Vietinbank cộng với lãi biên bình quân 3%.

✓ *Tài sản cố định:*

Giá trị còn lại của TSCĐ tại thời điểm cuối năm 2020 là 288,47 tỷ đồng chỉ bằng 3,87%/Tổng giá trị tài sản của PPC; Chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí vẫn sẽ là lợi thế để Công ty chủ động đưa ra chiến lược chào giá bán điện trên thị trường theo từng thời điểm đảm bảo hiệu quả nhất cho Công ty.

Việc theo dõi, hạch toán TSCĐ đã được Công ty mở thẻ TSCĐ, sổ chi tiết.

Tài sản dở dang dài hạn:

Năm 2020 công việc sửa chữa lớn tuy không thực hiện hết các nội dung trong kế hoạch, nhưng đã thực hiện được 70%/Tổng giá trị kế hoạch SCL; Chi phí SCL phát sinh trong năm 2020 sau khi được thẩm định sẽ được quyết toán hoàn thành trong năm 2021.

Quản lý đầu tư tài chính dài hạn:

Giá trị còn lại ghi nhận số tiền đầu tư 2.477,24 tỷ đồng (số tiền gốc đầu tư ban đầu là 2.535,89 tỷ đồng), bằng 76,05% vốn điều lệ của Công ty. Cổ tức được nhận và lợi nhuận năm 2020 thu được từ các khoản đầu tư này là 202,51 tỷ đồng bằng 7,98% giá trị

vốn đầu tư (cuối kỳ), các khoản đầu tư này thực hiện đầu tư vào các đơn vị ngành điện theo định hướng của EVN từ giai đoạn trước đây:

- Khoản đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) với giá trị gốc là 817,29 tỷ đồng (Tỷ lệ nắm giữ tại QTP là 16,35% vốn điều lệ) đến thời điểm 31/12/2020 căn cứ theo giá trị giao dịch của cổ phiếu QTP trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 7,32 tỷ đồng. Năm 2020 Công ty đã nhận cổ tức từ khoản đầu tư này với giá trị 2%; Tình hình SXKD của QTP năm 2020 đã ổn định và đã có lợi nhuận sau thuế 764 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2020 của QTP tối thiểu là 10%.

- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần EVN quốc tế (EVNI) với giá trị là 70,8 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 19,3% vốn điều lệ; Căn cứ theo giá cổ phiếu của EIC trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước Công ty đã trích lập dự phòng với giá trị trích lập lũy kế là 14,58 tỷ; Năm 2020 EIC chi trả cổ tức với tỷ lệ 3% đồng thời năm 2020 dự án đầu tư của EIC tại Camphuchia đã thu được lợi nhuận vì vậy năm 2020, EIC đạt được lợi nhuận với giá trị là 54 tỷ đồng. Dự kiến EIC trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ từ 7% đến 9%.

- Khoản đầu tư vào Công ty CPNB Bà Rịa công ty đã trích lập dự phòng với tổng giá trị là 36,74 tỷ đồng (giá trị đầu tư ban đầu là 46,50 tỷ đồng); Năm 2020 BTP đã chi trả cổ tức với tỷ lệ 11%; Bên cạnh đó kết quả SXKD năm 2020 BTP có lợi nhuận là 88,87 tỷ đồng. Dự kiến mức cổ tức của năm 2020 là 11%.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (BSA) với tổng số tiền góp vốn là: 50,25 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là: 6.844.050 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Năm 2020, PPC nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13,4% , và cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 4,409% tương đương số tiền là: 3,97 tỷ đồng. Dự kiến năm 2020, sẽ trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 6%.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VPD) với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là: 11.311.657 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 10,61% vốn điều lệ. Năm 2020, VPD trả cổ tức bằng tiền của năm 2019 với tỷ lệ 5% tương đương 5,65 tỷ đồng. Dự kiến VPD trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 5%.

Đơn vị tính: 10⁹ đồng

TT	Diễn giải	Cổ tức, lãi suất (%) đến 31/12/2020	Giá trị thu được đến 31/12/2020	Số tiền còn đầu tư đến 31/12/2020	Ngày đáo hạn
1	Đầu tư ngắn hạn (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn)		84.31	2,128.16	
1.1	Gửi tiền tại các ngân hàng	LS BQ từ 3% đến 6%	53.58	1,765.00	Trong năm 2021
1.2	EVN và GENCO 2 huy động vốn		30.73	363.16	
	- EVN huy động vốn	LS BQ 04 ngân hàng + LS biên 3%	18.50	175.00	35 tỷ đến hạn 2021 và 140 tỷ đến hạn cho đến năm 2025
	- GENCO 2 huy động vốn	LS BQ 04 ngân hàng + LS biên 0,5%	12.23	188.16	Đến hạn năm 2018 và năm 2019
2	Đầu tư dài hạn		202.50	2,535.90	-
2.1	Đầu tư công ty liên kết		175.29	1,451.06	
	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Thanh toán cổ tức còn lại 2019 là 11% và tạm ứng cổ tức 2020: 2,5%	175.29	1,451.06	Không thời hạn
2.2	Đầu tư khác		27.21	1,084.84	
	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Cổ tức bằng tiền năm 2019 tỷ lệ 2%	14.72	817.30	Không thời hạn
	Dự án Công ty CP EVN quốc tế	Cổ tức bằng tiền năm 2019 tỷ lệ 3%	2.13	70.80	Không thời hạn
	Công ty CP thủy điện Buôn Đôn	Cổ tức TM 2019 tỷ lệ: 4,409% và cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ: 13,4%	3.97	50.25	Không thời hạn
	Công ty CP phát triển điện VN	Cổ tức bằng tiền năm 2019 tỷ lệ 5%	5.65	100.00	Không thời hạn
	Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	Cổ tức bằng tiền năm 2019 tỷ lệ 11%	0.74	46.49	Không thời hạn
	Tổng		286.81	4,664.06	

✓ *Quản lý tài sản dài hạn khác:*

Tài sản dài hạn khác của Công ty đến ngày 31/12/2020 là 42,67 tỷ đồng chủ yếu là thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn với giá trị là 24,32 tỷ đồng → Mã số 263 - Bảng cân đối kế toán (Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn giá gốc là 204,63 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 170,92 tỷ đồng); Năm 2020 Công ty đã tiếp tục tiến hành đánh giá, phân loại thành các chủng loại cần sử dụng ngay, sẽ sử dụng trong thời gian sau 1 năm và đề dự phòng với mục đích theo dõi và giám sát đảm bảo hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng các loại vật tư, thiết bị này.

c. *Quản lý nợ phải trả:*

✓ *Nợ ngắn hạn*

Các khoản công nợ phải trả được Công ty mở sổ kế toán theo dõi và hạch toán chi tiết đến từng đối tượng, Hợp đồng kinh tế; Phân loại công nợ theo thời hạn thanh toán (tuổi nợ) được thực hiện vào cuối năm và xác nhận đối chiếu công nợ phải trả với từng khách hàng.

✓ *Nợ dài hạn*

Năm 2020 Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ.

d. *Quản lý nguồn vốn chủ sở hữu:*

Các chỉ tiêu thuộc nguồn vốn chủ sở hữu Công ty đã thực hiện theo dõi và quản lý theo quy định, cụ thể số liệu như sau:

DVT: 10⁹ đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	PS năm	PS giảm	Số dư cuối kỳ
1- Vốn cổ phần	3.262,35			3.262,35
2- Vốn khác của chủ sở hữu	201,54	39,85		241,39
3- Cổ phiếu quỹ	-87,39			-87,39
4- Quỹ ĐTPT	795,81	154,59	39,85	910,55
5- Thặng dư vốn CP	11,69			11,69
6- LN sau thuế	1.780,84	1011,04	646,54	2.145,34
Cộng	5.964,84			6.483,93

3.2.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và công tác quản lý chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

✓ *Quản lý doanh thu, thu nhập:*

Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty năm 2020 là 8.219,50 tỷ đồng bằng 99,30% so với kế hoạch; Trong đó: Doanh thu bán điện là 7.907,78 tỷ đồng bằng 98,35% so với Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông duyệt; Doanh thu SXKD điện giảm do: i) Sản lượng điện bán giảm so với kế hoạch bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh làm cho nhu cầu sử dụng điện giảm, ii) Công ty được thanh toán khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của năm 2015 và năm 2018 là 248,75 tỷ đồng ghi nhận vào Doanh thu sản xuất điện năm 2020 do đó Lợi nhuận từ SX điện tăng đột biến.

- Tổng lợi nhuận năm 2020 trước thuế đạt 1.210,65 tỷ đồng bằng 158,16% kế hoạch năm; Lợi nhuận tăng vượt xa KH chủ yếu do lợi nhuận từ hoạt động sản

xuất điện tăng (Công ty được thanh toán chênh lệch tỷ giá của 2 năm 2015 và 2018), đồng thời doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2020 tăng.

- Lợi nhuận từ sản xuất điện tăng so với kế hoạch mặc dù sản lượng không đạt theo KH đề ra do Công ty đã duy trì tốt trạng thái luôn sẵn sàng đối với các tổ máy, vì vậy căn cứ theo điều khoản của HĐ mua bán điện, Công ty được thanh toán doanh thu theo quy định.

✓ *Quản lý giá vốn, chi phí:*

Công ty có hệ thống sổ sách kế toán để hạch toán, theo dõi chặt chẽ chi phí, giá vốn theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước và của EVN.

Tổng chi phí cho hoạt động SXKD 7.013,09 tỷ đồng bằng 93,36% KH. Trong đó; Chi phí SX điện là 6.996,21 tỷ đồng, bằng 93,25% so với KH (Doanh thu SXĐ đạt hiệu quả rất cao bằng 98,35 %) do đó LN từ SX điện tăng so với KH đề ra.

3.2.3. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2020 là 87,29 tỷ đồng, năm 2020 Công ty đã nộp 434 tỷ đồng vào Ngân sách nhà nước, là một trong những doanh nghiệp đứng đầu đóng góp cho ngân sách tỉnh Hải Dương; Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của các sắc thuế.

3.2.4. Kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong đầu tư và mua sắm.

Qua kiểm soát trực tiếp với phương pháp chọn mẫu để kiểm soát quy trình đầu tư cũng như mua sắm vật tư thiết bị, tài sản; BKS đánh giá: Về cơ bản hoạt động đầu tư, mua sắm trong năm 2020 được thực hiện theo các quy trình của Công ty cũng như tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

3.2.5. Việc tuân thủ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vận hành, tối ưu hóa chi phí theo kế hoạch của EVNGENCO2, áp dụng các tiêu chí KPI vào công việc, áp dụng phần mềm quản lý công việc để giám sát việc thực thi công việc, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhằm mang lại hiệu quả và năng suất lao động cao nhất cho Công ty.

3.2.6. Tổ chức công tác kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán thực hiện các chức năng theo quy định. Về cơ bản công tác kế toán đã chấp hành theo các quy định của chế độ kế toán, công tác chỉ đạo kiểm tra được chú trọng, quan tâm thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước.



IV. QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.

4.1. Đối với công tác lập kế hoạch SXKD năm và xây dựng kế hoạch và lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ công việc vận hành và sửa chữa của Công ty.

i. Công tác lập kế hoạch SXKD năm.

Kế hoạch SXKD hàng năm Công ty được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên và thời điểm thông qua thường là Quý II của năm đó do đó sẽ ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể giúp hoàn thành kế hoạch của năm.

ii. Công tác lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ vận hành và sửa chữa của Công ty

Năm 2020 việc thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên vật liệu, thiết bị cho vận hành và sửa chữa không thực hiện đúng theo yêu cầu của kế hoạch SXKD, các công việc như xây dựng kế hoạch SXKD, KH lựa chọn nhà thầu, thực hiện đấu thầu và lựa chọn nhà cung cấp không đáp ứng theo đúng tiến độ của kế hoạch, dẫn đến việc cung cấp vật tư thiết bị không ổn định ảnh hưởng đến SXKD.

- Nguyên nhân cụ thể: Kế hoạch SXKD, kế hoạch LCNT cũng như phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu chậm, các gói thầu bị hủy do đó không đảm bảo tiến độ sửa chữa.

4.2. Đối với công tác quản lý vận hành, mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho vận hành và thực hiện công việc sửa chữa lớn.

i. Công tác quản lý vận hành thiết bị

Năm 2020 các sự cố về thiết bị chủ yếu xảy ra tại DC1 do việc đại tu thay thế các năm gần đây chưa triệt để, chờ đầu tư cải tạo nâng cấp thiết bị toàn bộ DC1, vì vậy hệ thống quá nhiệt, hệ thống ống sinh hơi, hệ thống máy nghiền và đặc biệt là hệ thống lọc bụi tĩnh điện liên tục gặp sự cố, các chỉ số về nồng độ bụi và khí thải đều vi phạm các tiêu chuẩn về an toàn môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

ii. Công tác mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phục vụ vận hành.

Năm 2020 công tác mua sắm vật tư nguyên liệu vật liệu phục vụ vận hành thường xuyên không đáp ứng theo yêu cầu của sản xuất, các gói thầu mua Hóa chất, Bì nghiền than, vật liệu phụ, vật tư cho SCTX... đều chậm hoặc bị hủy do không chọn được nhà thầu cung cấp; các Hợp đồng không được ký kết do đó để đáp ứng nhu cầu sản xuất điện Công ty đã phải vay hoặc tạm ứng vật liệu của các nhà cung cấp để đáp ứng nhu cầu cho sản xuất hàng tháng.

Ảnh hưởng:

Việc chậm tiến độ thực hiện các Hợp đồng cung cấp vật tư, vật liệu phụ phục vụ công tác vận hành thiết bị sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mặc dù Ban điều hành đã thực hiện công việc tạm ứng vật tư, vật liệu phụ từ các nhà cung cấp truyền thống của Công ty tuy nhiên đây chỉ là biện pháp xử lý tình huống không đảm bảo tính ổn định.

iii. Công tác quản lý vật liệu phụ tùng thiết bị tồn kho vận hành.

Năm 2020 Công ty đã phân loại để trích lập dự phòng và tiến hành thanh lý các loại vật tư ứ đọng không cần dùng tuy nhiên vẫn chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

Ảnh hưởng:

Giá trị vật tư, thiết bị dự phòng tồn kho lớn làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD và dòng tiền của Công ty.

iv. Công tác sửa chữa lớn các thiết bị theo kế hoạch

Đối với công việc đại tu sửa chữa lớn năm 2020 mặc dù các công trình đã được lập tiên lượng và dự toán từ rất sớm nhưng tiến độ triển khai thực hiện công việc sửa chữa lớn năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra, các gói thầu không thể thực hiện đúng tiến độ do việc đấu thầu lựa chọn nhà thầu liên quan đến công việc sửa chữa kéo dài và không đúng theo kế hoạch (Đại tu S5 liên tục hủy thầu); Do đó việc sửa chữa không thực hiện được trong năm 2020, các công trình SCL sẽ chuyển tiếp sang năm 2021, kế hoạch SCL sẽ không đạt theo kế hoạch đề ra nguy cơ sự cố thiết bị ảnh hưởng đến SXKD do các thiết bị không được thay thế đúng chu kỳ.

Công tác đại tu tổ máy S1 có một số Hợp đồng mua sắm thiết bị thay thế cho phần Tuabin nhà thầu đã bị chậm tiến độ không giao hàng đúng thời gian quy định vì vậy đã không có vật tư thay thế trong thời gian đại tu, đơn vị sửa chữa đã vay mượn thiết bị của PPC để thực hiện sửa chữa đồng thời chỉ làm được công việc bảo dưỡng nên chất lượng công tác đại tu S1 mặc dù đảm bảo tiến độ tuy nhiên không đạt hiệu quả cao nhất theo PA kỹ thuật đề ra

Ảnh hưởng:

Các gói thầu mua sắm vật tư cho SCL có một số gói thầu phải hủy, chậm tiến độ dẫn đến việc không sửa chữa được thiết bị đã đến chu kỳ sửa chữa lớn phải thay thế, ảnh hưởng đến thiết bị máy móc và kế hoạch SXKD đề ra. Chi phí sửa chữa lớn năm 2020 không đạt theo kế hoạch đề ra, các công trình SCL của năm 2020 tiếp tục được dịch chuyển sang năm 2021 vì vậy sẽ gây áp lực lớn đến kế hoạch lợi nhuận của năm 2021.

v. Thực hiện việc tuân thủ và chấp hành các quy định về môi trường của Công ty trong năm 2020.

Ngày 30/10/2020 Hội đồng quản trị ban hành NQ số 196/ NQ-PPC thông qua việc hủy thầu gói thầu đầu tư dự án “Cải tạo, nâng cấp thiết bị hệ thống khử bụi tĩnh điện Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”, hủy thầu gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống khử bụi tĩnh điện Dây chuyền 1”.

Hiện tại hệ thống khử bụi tĩnh điện Dây chuyền 1 đã hưng hỏng nghiêm trọng và liên tục bị sự cố, không đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, các tiêu chuẩn về khí thải, nồng độ bụi không đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Việc tiếp tục vận hành với cường độ cao hệ thống lọc bụi này có nguy cơ Công ty sẽ đối diện với việc bị xử phạt về các quy định về môi trường từ các cấp có thẩm quyền.

Ảnh hưởng

Hệ thống lọc bụi tĩnh điện của DC1 không cải tạo nâng cấp, sửa chữa thay thế dẫn đến vận hành không đạt theo thiết kế, vượt quá các chỉ tiêu về an toàn khí thải với mức độ khác nhau. Với các mức chỉ tiêu vượt này Công ty sẽ đối diện với việc thanh kiểm tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật về môi trường thanh tra, kiểm soát và xử lý phạt vi phạm theo quy định và với mức độ cao nhất có thể bị đình chỉ hoạt động gây ảnh hưởng đến công tác SXKD của Công ty.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

5.1. Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản của cổ đông.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	Tăng (+) giảm (-)
I	Vốn và tài sản				
1	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	89,63	82,21	
2	Nợ phải trả/ Vốn CSH	%	11,56	21,64	
3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	10,37	17,79	
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,88	58,00	
5	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,11	42,00	
II	Khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,75	2,75	
2	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	9,64	5,62	
3	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	5,68	3,26	
III	Hiệu quả sử dụng vốn				
1	Doanh thu trên tổng vốn	%	122,29	137,19	
2	LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	13,98	17,38	
3	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	15,59	21,14	

Qua phân tích các chỉ tiêu trên cho thấy; Tình hình tài chính và các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, hệ số nợ đều ở mức độ an toàn.

PHẦN THỨ HAI
KIẾN NGHỊ, KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ ĐỀ XUẤT
LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

I - KIẾN NGHỊ

BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Công ty trong việc kiểm soát và giám sát hoạt động của HĐQT thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, sau khi thực hiện việc kiểm soát, BKS có một số kiến nghị với ban điều hành Công ty như sau:

1. Doanh thu bán điện:

i. Triển khai đàm phán với EVN cho phép Công ty được tính bổ sung chi phí thuế tài nguyên nước của Phả Lại 2 và phí cấp quyền khai thác nước vào giá bán điện theo Thông tư 56/2014/TT-BCT của Bộ Công thương ban hành ngày 19/12/2014.

2. Công tác quản lý, điều hành việc thực hiện kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao.

i. Hội đồng quản trị Công ty cần xem xét đề thông qua Quyết định phê duyệt kế hoạch SXKD (hoặc tạm giao kế hoạch SXKD) của năm sau trong Quý IV của năm trước ngay sau khi có kế hoạch sản lượng do Cục điều tiết điện lực giao. Trên cơ sở dự kiến kế hoạch SXKD của năm Ban điều hành cần tổ chức xây dựng kế hoạch đấu thầu và LCNT hợp lý, tiến hành thực hiện đấu thầu cung cấp các loại vật tư tiêu hao cho sản xuất điện thực hiện sớm để đảm bảo ổn định nguồn cung cấp phục vụ cho nhu cầu sản xuất điện đúng theo yêu cầu của kế hoạch SXKD.

ii. Thực hiện công việc lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên cho năm tiếp theo cần lập cụ thể với các khoản mục chi phí chi tiết, đồng thời cần có tính toán và dự báo cho rủi ro sự cố của thiết bị trong quá trình vận hành; Trình ĐH đồng cổ đông thông qua, giảm tối đa phát sinh chi phí sửa chữa thường xuyên; Nếu khoản mục chi phí này có phát sinh lớn sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD đã được ĐH cổ đông thông qua.

iv. Xây dựng kế hoạch chi phí sửa chữa lớn hàng năm Ban điều hành căn cứ trên Doanh thu từ công tác sửa chữa lớn trong giá bán của Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa PPC và EPTC.

v. Xem xét việc phân chia nội dung công việc để tách các gói thầu sửa chữa lớn có giá trị cao phù hợp với đặc tính kỹ thuật riêng của từng thiết bị máy móc, điều này sẽ đảm bảo cho nhiều nhà thầu cùng tham gia sửa chữa, tăng tính cạnh tranh, công việc sửa chữa được triệt để hiệu quả, nâng cao chất lượng và tuổi thọ của thiết bị.

vi. Thực hiện công tác mua sắm vật tư thiết bị trên cơ sở nhu cầu sản xuất, tiên lượng và dự toán được lập phải đảm bảo sát với thực trạng của hệ thống máy móc thiết bị, tránh trường hợp không sử dụng gây tồn kho lãng phí vốn của Công ty. Thanh lý các chủng loại vật tư ứ đọng không cần dùng đã tồn kho nhiều năm để thu hồi vốn cho Công ty.

vii. Tiếp tục triển khai công tác đại tu, sửa chữa, nâng cấp, thay thế thiết bị của hệ thống khử bụi tĩnh điện thuộc DC1 đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về môi



trường, đảm bảo các chỉ tiêu liên quan đến môi trường được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của Nhà nước.

viii. Tiếp tục đề nghị Cục Thuế tỉnh Hải Dương thực hiện quyết toán thuế năm 2020 cho Công ty.

Quản lý đầu tư tài chính:

i. Ban điều hành cần tiếp tục thực hiện các biện pháp để thu hồi khoản công nợ còn lại (phần phát sinh) tại Công ty quản lý Quỹ Bảo Việt nhận ủy thác.

II - KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NĂM 2021:

STT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
2.1	Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty trong năm 2021. Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch do ĐH đồng cổ đông giao. Xem xét tình hình thực hiện kiến nghị của các cuộc kiểm soát trước.	Thực hiện tháng hàng tháng	Ban kiểm soát
2.2	Tham dự các cuộc họp của HĐQT; Đề xuất các ý kiến nhằm xây dựng Công ty về các vấn đề: Tài chính, thuế, quản trị nhân sự, đầu tư, sửa chữa...	Theo lịch họp của HĐQT	Ban kiểm soát
2.3	Thực hiện kiểm soát và lập báo cáo kiểm soát năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông 2021 và thực hiện kiểm soát Quý I năm 2021. Thẩm định kế hoạch tiền lương năm 2021	Tháng 2/2021	Ban kiểm soát
2.4	Họp ban kiểm soát định kỳ: - Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi thành viên, đề xuất biện pháp và kế hoạch thực hiện. - Xem xét tình hình sản xuất chung của Công ty, đánh giá sơ bộ kết quả kinh doanh cùng thời điểm - Lập biên bản họp ban kiểm soát.	Hàng Quý	Ban kiểm soát
2.5	Tổng kết là báo cáo tình hình công tác kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chương trình công tác kiểm soát năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Lập báo cáo gửi các cổ đông của PPC	Tháng 12/2021	TB kiểm soát

III - ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Trên đây là toàn bộ các ý kiến báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2020 và kế hoạch thực hiện kiểm soát năm 2021 của Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Huy

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT PPC;
- Lưu Ban KS.